

Bản tin chứng khoán

Trong số này

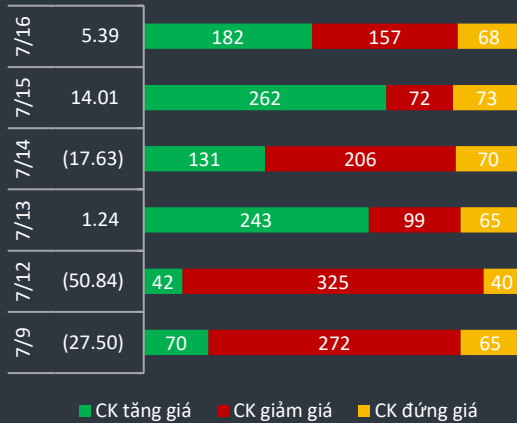
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

NVL	96.67
VIC	83.93
MSN	58.74
VNM	44.81
FUEVFNVD	40.46
MBB	40.01
HPG	36.08
SSI	23.61
HDB	(17.38)
STB	(19.21)
DXG	(23.53)
VCI	(34.76)
VHM	(34.82)
VCB	(38.76)
HSG	(56.76)
CTG	(64.30)

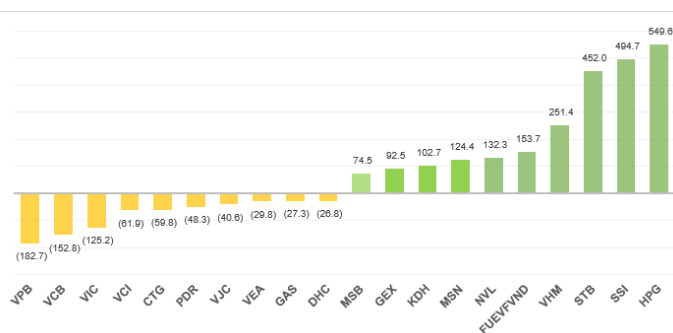
Thị trường cuối tuần duy trì nhịp xanh từ đầu phiên trong biên độ khoảng 10 điểm và vượt qua trở ngại ngưỡng 1300. Trái với phiên tăng khá tốt hôm qua, phiên hôm nay giao dịch khá chậm và hầu như không có nhóm cổ phiếu gây sóng gió thu hút cung cầu mạnh như hôm trước. Một số lượng cung gia tăng về cuối phiên đã kéo chỉ số chỉ còn tăng 5.3 điểm, Chỉ số Vnindex vừa chạm đúng 1299 điểm. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 178 mã giảm so với 199 mã tăng.

Nhóm VN30 dẫn đầu có MSN tăng tốt nhất gần 5%. Tiếp đến là các PDR, VIC tăng trên 3%. SSI, VHM, STB và VRE mất điểm nhiều nhất nhưng cũng chỉ khoảng -1%. Thị trường phân hóa mạnh và không có ngành nào nổi trội trong ngày.

Nhóm ngân hàng chia hai nửa xanh đỏ với nhóm bank nhỏ SHB, VBB, BVB, ACB tăng gần 3% trong khi CTG, TCB, STB giảm điểm. Các cổ phiếu ngân hàng trong ngày hầu như dao động trong biên độ 1% và không cổ phiếu nào tạo sóng đáng chú ý.

Chỉ có nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp là tạo đợt sóng nhỏ trong phiên mà dẫn đầu là SZC tăng gần 7%, PDR, LHG, GVR đều tăng khá tốt gần 3% dù cuối phiên áp lực bán ra cũng khá lớn làm hãm đà tăng của nhiều cổ phiếu.

Khối ngoại trong ngày mua ròng khoảng 67 tỷ trong đó nhiều nhất là HPG, MBB, NVL, SSI, MSN, VNM ... Tính chung cả tuần, khối ngoại có 4 phiên mua ròng và 1 phiên bán ròng, tổng giá trị mua ròng cả tuần khoảng 2,360 tỷ đồng. Nhóm cổ phiếu mua ròng nhiều nhất trong tuần là HPG, STB, SSI, NVL và bán ra nhiều nhất nhóm VIC, VPB, VCB, CTG.



Vnindex 1,299.31

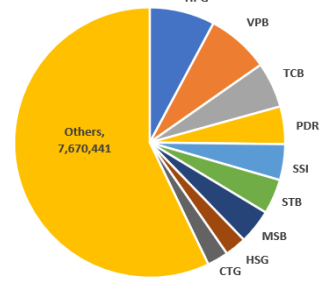
▲ +5.39 (+0.42)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
MSN	120.5	5,500	4.78
VIC	105.8	3,800	3.73
PDR	90.2	3,000	3.44
GVR	31.4	850	2.79
ACB	33.6	850	2.60
FPT	86.8	1,400	1.64
REE	51.9	700	1.37
BVH	51.0	500	0.99
PNJ	96.0	900	0.95
VNM	85.9	700	0.82
VPB	64.5	500	0.78
HDB	33.5	250	0.75
MWG	168.1	1,000	0.60
TPB	33.9	200	0.59
NVL	104.6	600	0.58
HPG	46.8	250	0.54
VJC	115.4	600	0.52
PLX	51.1	200	0.39
VCB	102.5	-	-
DHG	92.0	-	-
VIB	44.9	(50)	(0.11)
BID	42.5	(200)	(0.47)
GAS	90.0	(500)	(0.55)
MBB	29.1	(200)	(0.68)
POW	10.6	(100)	(0.93)
TCB	51.6	(500)	(0.96)
CTG	34.7	(350)	(1.00)
VRE	27.7	(300)	(1.07)
VHM	109.0	(1,300)	(1.18)
SAB	158.0	(1,900)	(1.19)
STB	28.5	(350)	(1.22)
SSI	52.8	(900)	(1.68)
HVN	25.5	(450)	(1.73)
BCM	43.1	(2,150)	(4.75)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Chỉ số Vnindex đóng cửa cuối tuần ở sát mốc 1300 điểm, giảm khoảng 50 điểm so với cuối tuần trước. Thanh khoản chung của thị trường trong 4 phiên gần nhất đặc biệt sụt giảm rất mạnh chỉ còn ½ so với trung bình hàng ngày. Phiên hôm nay tổng giá trị giao dịch sàn HOSE chỉ đạt 13,451 tỷ đồng, giảm thêm so với phiên trước. Nhiều nhà đầu tư đã mua ở vùng cao phía trước đã trở tay không kịp khi thị trường đảo chiều vì vậy gần như cạn kiệt sức mua trong giai đoạn hiện tại. Đó là lý do thanh khoản rất thấp trong vài ngày qua do nhà đầu tư chỉ biết chờ đợi và hạn chế giao dịch. Ngoài ra việc tín hiệu thị trường chưa rõ ràng xu hướng cũng làm nhà đầu tư trở nên thận trọng hơn trước các quyết định mua bán.

Thị trường tuần sau nếu không có những tin tức quá bi quan liên quan đến tình hình dịch bệnh hoặc vĩ mô thì khả năng chỉ số Vnindex có nhiều cơ hội tiếp tục xu hướng hồi phục dần vượt qua ngưỡng 1300. Nếu chỉ số tăng tốt lên 20 – 30 điểm tình hình thanh khoản chung sẽ có nhiều cải thiện do nhiều tài khoản nhà đầu tư được tháo gỡ. Tuy nhiên với tình hình hiện tại vẫn nên giữ trạng thái thận trọng nhất định với tiền mặt trong tài khoản luôn sẵn sàng để có thể tận dụng các nhịp điều chỉnh tích lũy cổ phiếu. Nhóm cổ phiếu ngân hàng dù vẫn đóng vai trò ảnh hưởng lớn đến Vnindex nhưng động lực đang yếu dần. Nhà đầu tư chú ý đến các nhóm ngành có thể tạo sóng ngắn giai đoạn này như BDS KCN, dầu khí, bán lẻ. Các cổ phiếu quan tâm: OCB, STB, DGW, GVR, SZC, VCI, HPG, NKG.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
REE	51.9	(1.9)	50	23	Mua quanh 50 - 51	7/12/2021	1.8%
GVR	31.4	(0.8)	28	65	Chờ tín hiệu hồi, mua quanh 28-29	7/12/2021	6.8%
HCM	47.8	(0.6)	44	65	Chờ tín hiệu mua, quanh 44-46	7/12/2021	6.2%
VCI	52.1	(5.3)	50	60	Chờ tín hiệu mua, quanh 50-52	7/12/2021	1.2%
SSI	52.8	0.4	45	70	Mua quanh 50-51	7/12/2021	5.6%
MBB	29.1	(6.1)	25	35	Nắm giữ, mua thêm quanh 25	7/12/2021	0.3%
OCB	27.5		27	40	Chờ tín hiệu mua, quanh 25-27	7/12/2021	1.9%
TCB	51.6	(8.8)	52	30	Nắm giữ, mua thêm quanh 48-50	7/12/2021	-2.6%
CTG	34.7	(7.8)	35	22	Chờ tín hiệu mua, quanh 30-33	7/12/2021	2.1%
HPG	46.8	(1.2)	45	44	Nắm giữ, mua thêm quanh 45	7/12/2021	4.0%
STB	28.5	(2.2)	27	25	Chờ tín hiệu mua, quanh 27-28	7/12/2021	1.8%
DGW	130.2	(10.1)	120	50	Nắm giữ	3/3/2021	30.2%
MWG	168.1	(4.8)	130	150	Nắm giữ	2/3/2021	31.8%

Tin Doanh Nghiệp

Theo đó, trong quý II/2021, SZC ghi nhận doanh thu đạt **223,5 tỷ đồng**, lợi nhuận sau thuế đạt **109,4 tỷ đồng**, lần lượt tăng trưởng 46,1% và 53% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 58,4% lên 67,1%.

Trong kỳ, lợi nhuận gộp tăng 67,8% so với cùng kỳ, tương ứng tăng thêm 60,6 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng; doanh thu tài chính giảm 76,2% so với cùng kỳ, tương ứng giảm 6,4 tỷ đồng về 2 tỷ đồng; chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 182,6% so với cùng kỳ, tương ứng tăng 12,6 tỷ đồng lên 19,5 tỷ đồng; lợi nhuận khác ghi nhận 4,1 tỷ đồng so với cùng kỳ không ghi nhận. Như vậy, lợi nhuận tăng chủ yếu do hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng mạnh.

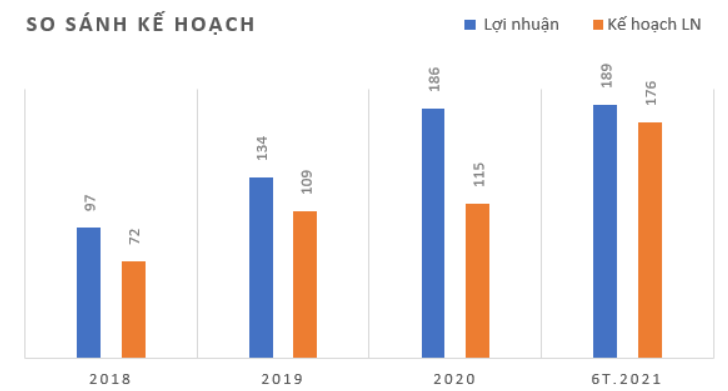
Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu thu đạt **402,7 tỷ đồng** và lợi nhuận sau thuế đạt **189 tỷ đồng**, lần lượt tăng 47,1% và 51% so với cùng kỳ năm trước.

Được biết, trong năm 2021, doanh nghiệp dự kiến tổng doanh thu là 584,3 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 176,3 tỷ đồng, lần lượt tăng 26,5% và giảm 5,2% so với thực hiện trong năm 2020. Như vậy, sau 6 tháng đầu năm doanh nghiệp đã vượt 7,2% kế hoạch lợi nhuận năm.

Xét về dòng tiền. trong 6 tháng đầu năm 2021, dòng tiền hoạt động kinh doanh chính của SZC dương 235,7 tỷ đồng so với cùng kỳ dương 251,2 tỷ đồng. Ngoài ra, dòng tiền đầu tư âm 736,8 tỷ đồng và dòng tiền tài chính dương 507,3 tỷ đồng.

Tính tới 30/6/2021, tổng tài sản của SZC tăng 17,4% so với đầu năm lên 5.187,5 tỷ đồng. Trong đó, tài sản chủ yếu là tài sản dở dang dài hạn đạt 4.486,4 tỷ đồng, chiếm 86,5% tổng tài sản.

Trong kỳ, tài sản dở dang dài hạn tăng 19,1% so với đầu năm, tương ứng tăng thêm 718,9 tỷ đồng lên 4.486,4 tỷ đồng.



Tổng hợp kết quả kinh doanh Q2.2021

Mã CK	DT 6T.2020	DT 6T.2021	%	LN 6T.2020	LN 6T.2021	%	EPS
HSG	12,355	19,946	61%	382.1	1,606.9	321%	5,342
NKG	4,766	11,862	149%	58.8	1,166.3	1884%	5,075
VBB	200	479	140%	229.4	260.1	13%	731
PPC	4,500	2,297	-49%	415.0	258.7	-38%	2,610
EVS	176	378	115%	3.8	178.1	4648%	3,860
HND	6,151	4,613	-25%	745.8	177.0	-76%	1,766
BMS	166	319	92%	(32.2)	132.8		4,098
PHR	495	591	19%	536.8	120.5	-78%	4,907
D2D	149	197	32%	150.2	108.6	-28%	7,474
RTB	141	376	166%	40.3	100.9	150%	2,562
SMB	558	596	7%	60.0	77.7	29%	5,914
TIX	91	131	45%	46.0	72.3	57%	3,941
CLC	891	1,033	16%	55.4	59.0	6%	5,056
WSB	364	431	19%	53.5	58.2	9%	8,208
DRI	136	243	78%	(35.5)	49.6		1,333
PSD	3,447	3,648	6%	30.6	49.5	62%	2,298
IDV	151	48	-68%	80.4	47.0	-42%	8,881
TDS	972	1,256	29%	16.5	47.0	185%	4,262
DHA	173	167	-4%	42.7	42.8	0%	6,507
SLS	483	273	-44%	35.4	41.1	16%	12,762
VCA	975	1,331	36%	12.7	40.0	215%	3,188
PMC	219	229	5%	36.9	37.3	1%	8,038
SHP	174	203	17%	0.4	36.7	10317%	1,065
DCT	142	108	-24%	(6.5)	31.2		1,540
L14	50	83	67%	15.2	31.2	106%	2,103
ADP	278	230	-17%	31.7	30.0	-5%	3,296
CAP	194	266	37%	12.5	29.9	138%	9,075
HTI	178	206	16%	29.7	29.0	-3%	2,399
SBM	102	99	-3%	23.6	28.6	21%	1,757
NNC	219	119	-46%	59.1	27.7	-53%	4,230
TRC	114	173	53%	37.0	26.6	-28%	2,746
BAX	34	58	68%	13.9	24.6	78%	19,068
SAF	556	512	-8%	23.2	24.6	6%	4,786
CCR	67	108	62%	10.9	23.7	117%	1,502
BCE	126	99	-22%	6.4	23.2	260%	1,441
LDW	125	129	3%	22.5	23.1	3%	524
TNC	30	26	-11%	49.5	22.6	-54%	1,422
ISH	75	75	1%	16.1	20.3	26%	1,250
UDJ	58	71	22%	9.2	20.0	119%	1,971
SSC	270	144	-47%	19.5	19.8	2%	2,703
WCS	52	50	-4%	24.5	19.6	-20%	20,487
ND2	130	136	5%	7.1	19.4	175%	2,917

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

CRC	3.41
PDR	3.44
CRE	3.57
VIC	3.73
TLH	3.75
TMS	3.77
PXT	4.17
SMC	4.18
TCR	4.72
VOS	4.75
MSN	4.78
TCO	5.82
VNE	6.27
BWE	6.65
DXV	6.75
PLP	6.91
HDC	6.96
HAH	6.96
VSC	6.98
VSC	6.98
SZC	6.99
TNT	7.00
HTT	7.14

Top tăng giá HNX

PVL	2.94
DS3	2.99
DID	3.03
TNG	3.06
PSD	3.23
TAR	3.31
VCS	3.74
MAC	3.77
MST	6.35
HNM	6.45
CAP	6.68
TVC	6.77
TTZ	7.14
PCG	8.62
VHE	10.00
NHP	10.00
DNY	13.64
SJC	14.29
SPP	14.29
SGO	14.29
DPS	20.00

BSR - Công ty cổ phần Lọc hoá Dầu Bình Sơn - Ước tính trong 6 tháng đầu năm ghi nhận sản lượng tiêu thụ ước tính đạt 3,45 triệu tấn, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu ước đạt 50.020 tỷ đồng, hoàn thành 71% kế hoạch năm; và lợi nhuận trước thuế ước đạt 3.311 tỷ đồng, bằng 380% kế hoạch năm.

TCM – CTCP Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công - Công bố doanh thu tháng 6 đạt 13,57 triệu USD (312 tỷ đồng), tương đương tháng trước và giảm 18% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế 955.000 USD (23 tỷ đồng), tăng 35% so với tháng trước nhưng giảm 44% so với tháng 6/2020.

Lũy kế 6 tháng, doanh thu đạt 81 triệu USD (1.863 tỷ đồng), tăng 11%; lãi sau thuế 5 triệu USD (115 tỷ đồng), tăng 4,3% và thực hiện 41,3% kế hoạch năm.

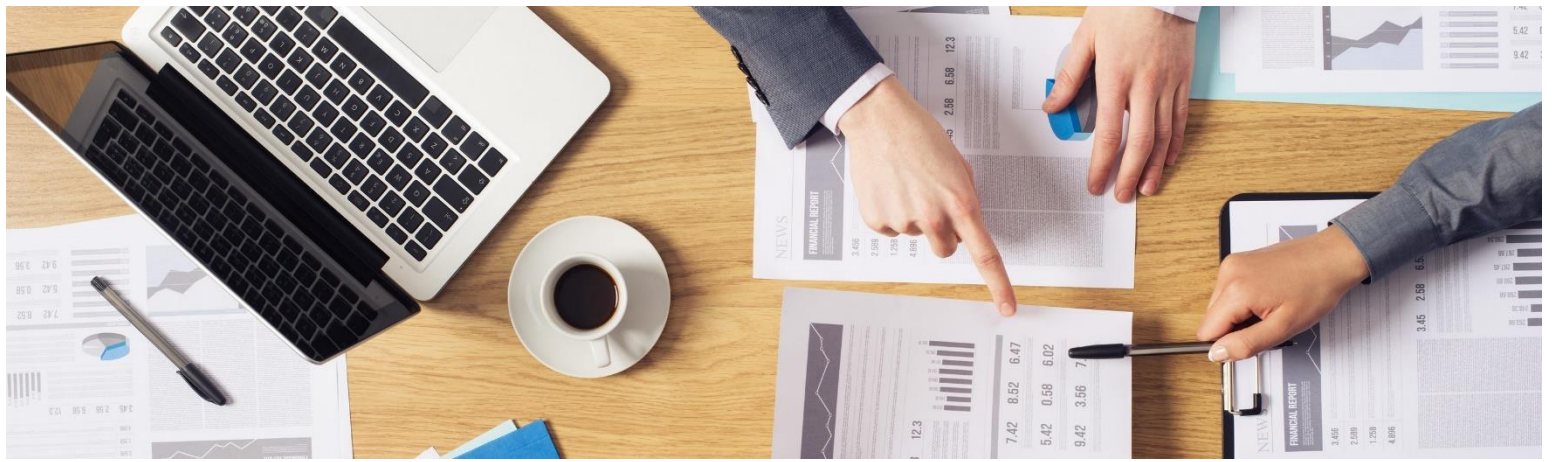
VGT - Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Vinatex dự kiến chuyển nhượng toàn bộ 576.480 cổ phiếu, tương ứng 18,02% vốn điều lệ tại CTCP Đầu tư và Phát triển Bình Thắng với giá khởi điểm là 15.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian dự kiến thực hiện bán ra là từ quý III/2021 trở đi thông qua hình thức chào bán riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư có sự cạnh tranh về giá. Nếu thoái thành công, Vinatex sẽ thu về số tiền tối thiểu 8,6 tỷ đồng.

PGI - Tổng CTCP Bảo hiểm Petrolimex - 6 tháng đầu năm 2021, doanh nghiệp ước tính tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 1.715 tỷ đồng, giảm 2,8% so với cùng kỳ và hoàn thành 48,1% kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế ước đạt 135 tỷ đồng, tương đương với cùng kỳ và hoàn thành 66% kế hoạch năm 2021.

TDS - CTCP Thép Thủ Đức - VNSTEEL - Đã công bố kết quả kinh doanh quý 2/2021 với doanh thu thuần 655 tỷ đồng và lãi sau thuế 34 tỷ đồng, tăng lần lượt 36% và 345% (gấp gần 4,5 lần) so cùng kỳ.

TIP - CTCP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa - Dự kiến trình cổ đông kế hoạch phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:3, cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu sẽ nhận quyền mua thêm 3 cổ phiếu mới với giá là 25.000 đồng/cổ phiếu. Doanh nghiệp dự kiến chào bán tổng cộng 39.004.714 cổ phiếu, ước tính nếu phát hành thành công sẽ huy động 975,1 tỷ đồng.

LPB - Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Ngày 21/7 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 22/7. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 100:12 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 12 cổ phiếu mới), tương đương LPB sẽ phát hành thêm hơn 128,9 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

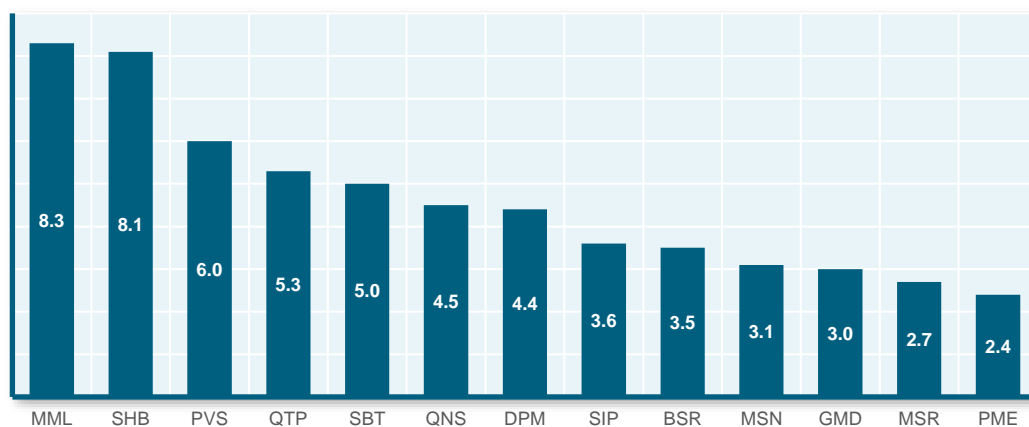


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
BID	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	48,524
	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	
MBB	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	UPCOM	21.0	1,384,386	9.5	1.3	-	-	11,998	30.00	2,218	16,320
ACB	HOSE	33.6	5,918,800	7.6	1.9	-	-	90,785	30.00	4,419	17,547
BAB	UPCOM	23.3	89,337	24.8	1.9	-	-	16,508	-	939	12,064
BID	HNX	42.5	1,416,400	20.2	2.1	211,000	110,700	170,936	16.70	2,103	20,453
CTG	HOSE	34.7	9,668,600	7.3	1.4	23,200	1,862,600	129,016	24.68	4,761	24,665
EIB	HOSE	27.0	362,800	37.9	2.0	4,900	116,800	33,195	29.80	713	13,822
HDB	HOSE	33.5	2,882,400	8.2	2.0	679,800	1,201,500	53,312	18.00	4,066	16,572
LPB	UPCOM	27.5	5,247,000	12.3	2.0	184,800	600	29,499	3.26	2,239	14,059
MBB	HOSE	29.1	11,304,900	7.4	1.5	2,098,900	732,900	81,444	21.81	3,912	19,196
MSB	HOSE	28.9	19,445,200	11.9	1.9	12,000	-	33,379	29.98	2,436	15,368
NVB	HNX	18.7	6,315,864	-	1.8	-	500	7,607	8.71	27	10,532
OCB	HOSE	27.5	2,194,500	8.2	1.6	88,900	138,900	30,083	15.00	3,341	16,848
SHB	HNX	28.1	30,045,935	14.0	1.9	14,600	101,900	54,108	4.00	2,013	14,631
SSB	HOSE	39.5	1,963,600	29.7	3.4	-	-	47,685	-	1,331	11,769
STB	HOSE	28.5	19,474,900	19.1	1.7	1,489,200	2,150,900	51,314	14.03	1,495	16,485
TCB	HOSE	51.6	13,987,500	12.7	2.3	-	-	180,853	22.49	4,074	22,566
TPB	HOSE	33.9	1,930,300	7.8	1.9	-	-	36,330	30.00	4,354	17,399
VCB	HOSE	102.5	1,467,300	18.0	3.8	825,700	1,207,000	380,160	23.65	5,708	27,234
VIB	HOSE	44.9	794,000	8.5	2.6	1,500	-	69,658	20.36	5,297	17,420
VPB	HOSE	64.5	15,478,800	13.9	2.8	-	2,100	158,331	19.32	4,628	22,811
			151,372,522	14.68	2.09	5,634,500	7,626,400	1,666,200		3,004	17,388



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

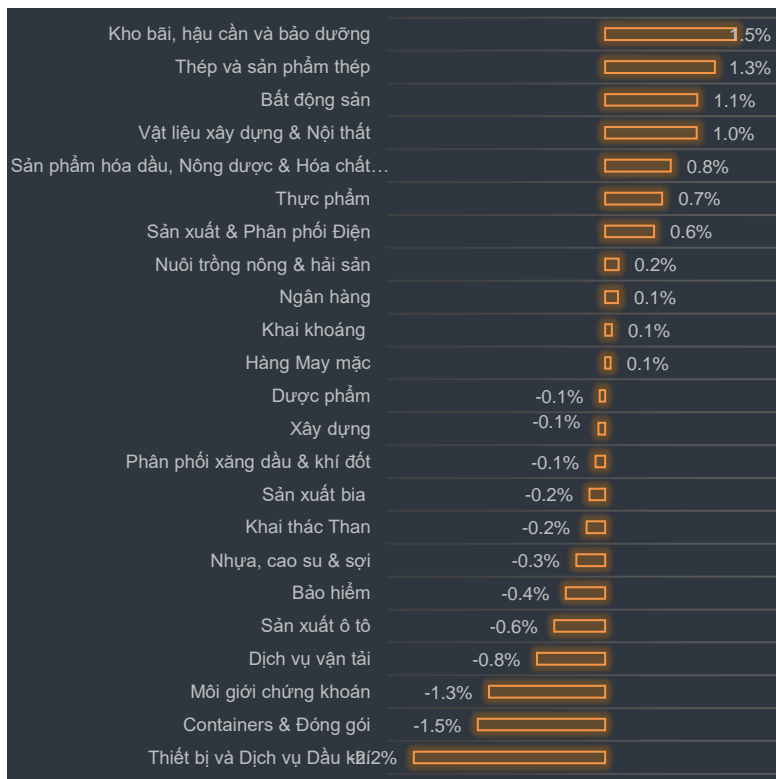
Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV	%
SSI	UPCOM	52,800	15,199,452	34,579,492	2,552.8	20.7	2.98	17,724	(1.68)
VCI	UPCOM	52,100	2,887,484	17,349,300	2,829.4	18.4	1.76	29,655	(1.70)
HCM	HNX	47,800	6,382,080	14,581,000	2,674.9	17.9	3.06	15,612	(0.83)
VND	UPCOM	40,900	6,669,134	8,773,650	5,308.7	7.7	1.95	20,939	(0.73)
SHS	UPCOM	39,900	9,658,620	8,270,001	4,994.5	8.0	2.22	17,951	(1.48)
MBS	UPCOM	29,500	2,780,421	7,894,403	1,279.0	23.1	2.24	13,147	(1.67)
FTS	HOSE	33,700	626,280	4,972,981	2,841.6	11.9	1.90	17,751	0.30
VIX	HNX	22,100	4,571,853	2,822,589	5,259.2	4.2	1.37	16,190	(0.90)
AGR	HOSE	12,800	3,254,336	2,692,799	572.1	22.4	1.31	9,775	(2.67)
BSI	UPCOM	21,200	2,146,005	2,577,299	2,051.4	10.3	1.67	12,711	(1.40)
ORS	HNX	23,000	1,272,531	2,300,000	1,516.4	15.2	2.18	10,574	1.77
VDS	HOSE	23,200	1,178,068	2,317,313	3,383.2	6.9	1.80	12,884	(1.49)
CTS	HOSE	20,700	2,048,786	2,202,472	2,444.1	8.5	1.49	13,885	(1.66)
TVS	HOSE	25,300	137,802	2,480,438	4,714.3	5.4	1.70	14,852	-
BVS	UPCOM	27,100	1,336,751	1,956,624	3,033.8	8.9	1.01	26,909	(2.52)
EVS	HOSE	32,900	416,801	1,974,013	2,382.6	13.8	2.32	14,167	0.30
SBS	HOSE	13,000	3,542,213	1,646,580	25.2	516.7	7.91	1,643	2.36
PHS	HOSE	13,900	1,281	1,251,000	828.3	16.8	1.23	11,291	-
TVB	HOSE	14,100	842,048	1,003,129	1,973.7	7.1	1.21	11,645	(0.70)
ART	HNX	8,700	5,886,703	843,226	269.8	32.2	0.76	11,459	(3.33)
TCI	UPCOM	13,400	308,326	663,300	2,331.0	5.7	1.10	12,235	0.75
IVS	UPCOM	8,700	133,320	603,345	352.2	24.7	0.88	9,862	(3.33)
BMS	UPCOM	13,200	109,839	660,000	1,808.9	7.3	1.02	12,977	4.76
APS	HOSE	13,000	2,185,186	507,000	2,395.8	5.4	1.17	11,126	(0.76)
PSI	UPCOM	8,800	209,187	526,603	182.9	48.1	0.84	10,519	(3.30)



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	PAC	HOSE	12/8/2021	13/08/2021	27/08/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	SBH	UPCoM	10/8/2021	11/8/2021	31/08/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	SAL	UPCoM	5/8/2021	6/8/2021	24/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 445 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	VLP	UPCoM	30/07/2021	2/8/2021	31/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	DNE	UPCoM	29/07/2021	30/07/2021	30/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 850 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	VC3	HNX	29/07/2021	30/07/2021		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:95	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
7	TLG	HOSE	27/07/2021	28/07/2021	12/8/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	DHC	HOSE	23/07/2021	26/07/2021	5/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	DHC	HOSE	23/07/2021	26/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 4:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
10	SSB	HOSE	23/07/2021	26/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:9.1206	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
11	PMB	HNX	23/07/2021	26/07/2021	16/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	CSV	HOSE	23/07/2021	26/07/2021	13/08/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	NAU	UPCoM	23/07/2021	26/07/2021	10/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 81 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	VLW	UPCoM	23/07/2021	26/07/2021	11/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	BRR	UPCoM	23/07/2021	26/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	TN1	HOSE	23/07/2021	26/07/2021	11/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	TN1	HOSE	23/07/2021	26/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:45	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	SIP	UPCoM	23/07/2021	26/07/2021	5/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	BCM	HOSE	22/07/2021	23/07/2021	6/9/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	DDH	UPCoM	22/07/2021	23/07/2021	6/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	BLT	UPCoM	22/07/2021	23/07/2021	3/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 3,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	TLT	UPCoM	22/07/2021	23/07/2021	23/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	VCC	HNX	22/07/2021	23/07/2021	10/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	LKW	UPCoM	22/07/2021	23/07/2021	23/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	LPB	HOSE	21/07/2021	22/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
26	ICN	UPCoM	21/07/2021	22/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
27	HLB	UPCoM	21/07/2021	22/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	NBT	UPCoM	21/07/2021	22/07/2021	2/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản: HDC, FDC, LEC

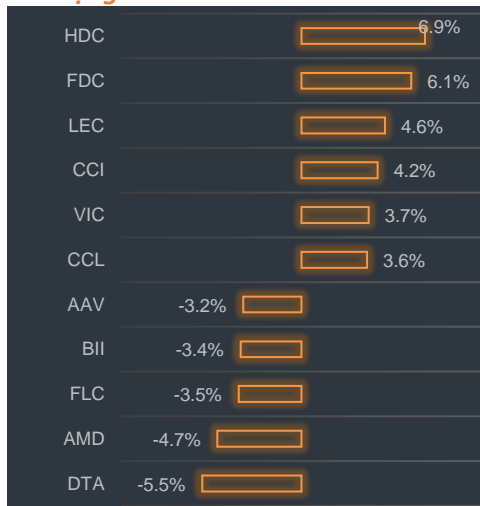
Xây dựng: CTX, SII, VNE

Dầu khí: PCG, ASP, PGD

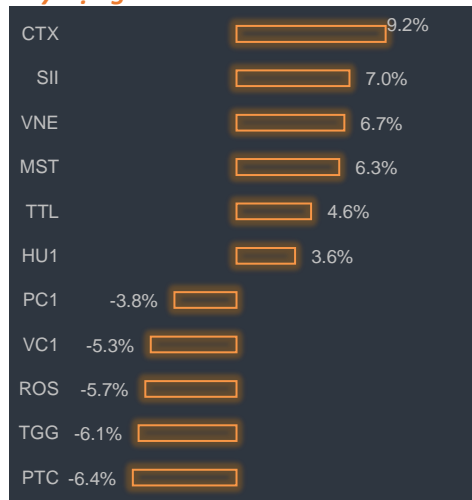
Chứng khoán: SBS, FTS, TVS

Ngân hàng: SHB, ACB, MSB

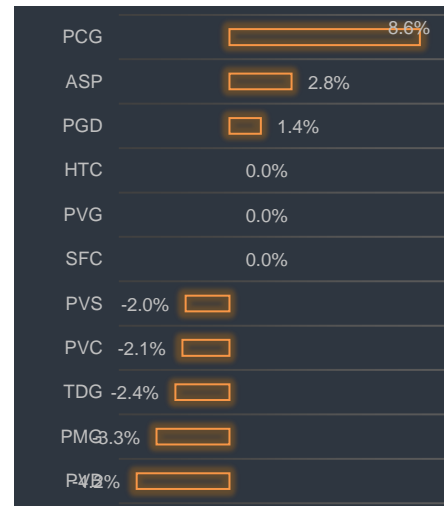
Bất động sản



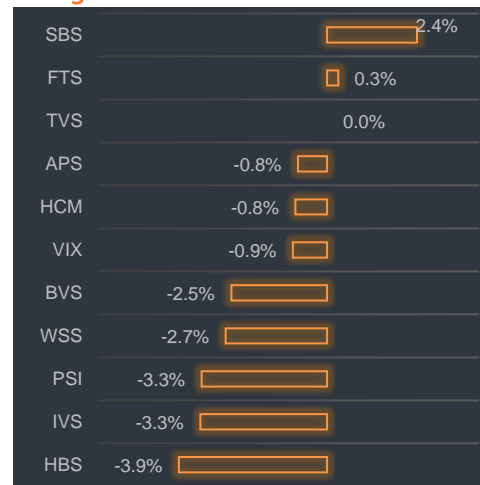
Xây dựng



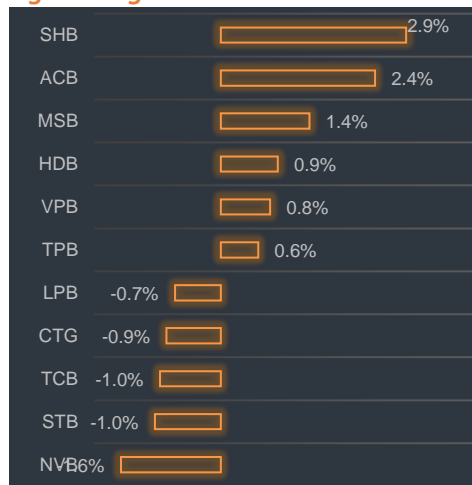
Dầu khí



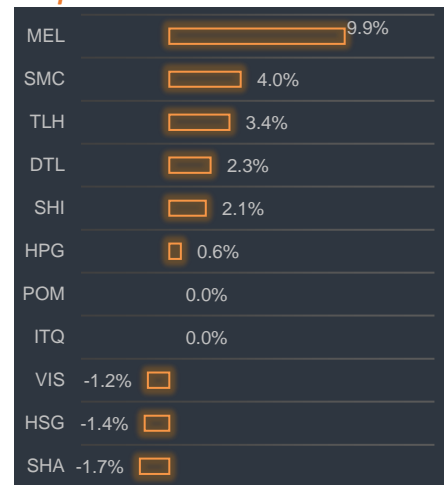
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931